

Số: /TB-KSBT

Đồng Tháp, ngày tháng 04 năm 2025

THÔNG BÁO
Yêu cầu báo giá

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Tháp có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá làm cơ sở tổ chức Hiệu chuẩn, thử nghiệm thiết bị y tế phục vụ hoạt động chuyên môn năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Tháp.
 - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Nguyễn Thanh Liêm – Viên chức – Khoa được – VTYT; Số điện thoại: 0867960146; Email: tliem0408@gmail.com
 - Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phạm Nguyễn Thanh Liêm – Viên chức – Khoa được – VTYT - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Tháp – Địa chỉ: 394 Lê Đại Hành, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.
 - Nhận qua email: tothaucdcdt@gmail.com
 - Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 13h00 ngày 22 tháng 04 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 04 tháng 5 năm 2025.
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 04 tháng 5 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục dịch vụ:

STT	Danh mục thiết bị	Mô tả yêu cầu về dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng
I. Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ năm 2025				
1	Hiệu chuẩn Máy đo độ rung RION	Hiệu chuẩn theo thông số kỹ thuật của thiết bị	Cái	1
2	Hiệu chuẩn Thiết bị đo vi khí hậu Testo 410-2	Hiệu chuẩn theo thông số kỹ thuật của thiết bị	Cái	1
3	Hiệu chuẩn Thiết bị đo độ ồn phân tích giải tần NL42 Rion	Hiệu chuẩn theo thông số kỹ thuật của thiết bị	Cái	1
4	Hiệu chuẩn Thiết bị đo ánh sáng	Hiệu chuẩn theo thông số kỹ thuật của thiết bị	Cái	1
5	Hiệu chuẩn Máy đo điện từ trường PCE-G28	Hiệu chuẩn theo thông số kỹ thuật của thiết bị	Cái	1

6	Hiệu chuẩn Tủ ATSH Esco AC2-4E1 (2009-42199)	Các chỉ tiêu thử nghiệm: - Tốc độ dòng khí vào - Tốc độ dòng khí thổi xuống - Cường độ ánh sáng - Cường độ ánh sáng tím (nếu có) - Độ ồn, độ dịch chuyển - Hiệu suất màng ULPA	Cái	1
7	Hiệu chuẩn Tủ ATSH Esco AC2-4E1 (2013-76451)	Các chỉ tiêu thử nghiệm: - Tốc độ dòng khí vào - Tốc độ dòng khí thổi xuống - Cường độ ánh sáng - Cường độ ánh sáng tím (nếu có) - Độ ồn, độ dịch chuyển - Hiệu suất màng ULPA	Cái	1
8	Thử nghiệm Tủ ATSH Esco AC2-4E8	Các chỉ tiêu thử nghiệm: - Tốc độ dòng khí vào - Tốc độ dòng khí thổi xuống - Cường độ ánh sáng - Cường độ ánh sáng tím (nếu có) - Độ ồn, độ dịch chuyển - Hiệu suất màng ULPA	Cái	1
9	Hiệu chuẩn Tủ ẩm Memmert INB-500	Nhiệt độ hiệu chuẩn 36°C	Cái	1
10	Hiệu chuẩn và Bảo trì Nồi hấp Hirayama	Nhiệt độ hiệu chuẩn 121°C	Cái	1
11	Hiệu chuẩn và Bảo trì Nồi hấp Tomy ES-315	Nhiệt độ hiệu chuẩn 121°C	Cái	1
12	Hiệu chuẩn Cân kỹ thuật 3 số lẻ TX-323L	Hiệu chuẩn độ chính xác của cân tại 1g, 5g	Cái	1
13	Hiệu chuẩn Thiết bị đo nhiệt độ và độ ẩm không khí Isolab	Nhiệt độ hiệu chuẩn 25°C Độ ẩm hiệu chuẩn <75%	Cái	3
14	Hiệu chuẩn Nhiệt kế điện tử	Nhiệt độ hiệu chuẩn 5°C	Cái	4
15	Bảo trì Tủ mát 2-10°C LC-643DB	Nhiệt độ hiệu chuẩn 5°C	Cái	1
16	Hiệu chuẩn Nhiệt kế cặp nhiệt điện K + dây đầu dò kim loại	Nhiệt độ hiệu chuẩn 170°C	Cái	1
17	Hiệu chuẩn Máy đọc ELISA Humateader hs Human	Bước sóng hiệu chuẩn 400 nm -700 nm	Cái	1
18	Hiệu chuẩn Micropipet 10 µL Biosan	Dung tích hiệu chuẩn 10 µL	Cái	1
19	Hiệu chuẩn Micropipet 100 µL Biosan	Dung tích hiệu chuẩn 100 µL	Cái	1
20	Hiệu chuẩn Micropipet 1000 µL Biosan	Dung tích hiệu chuẩn 1000 µL	Cái	1
21	Hiệu chuẩn Nhiệt kế thủy ngân 121°C Asistent	Nhiệt độ hiệu chuẩn 121°C	Cái	1
22	Hiệu chuẩn Phễu thủy tinh Advantec	Dung tích hiệu chuẩn 100mL và 250mL	Cái	1
23	Bảo trì Tủ mát 2-8 °C HYC-390	Nhiệt độ hiệu chuẩn 5°C	Cái	1
24	Máy huyết học tự động XP100	20 thông số	Cái	1
25	Máy phân tích sinh hóa tự động AU400	12 chỉ tiêu	Cái	1
26	Hiệu chuẩn Tủ sấy Memmert	Nhiệt độ hiệu chuẩn 105°C và 180°C	Cái	1
27	Hiệu chuẩn Cân phân tích Sartorius	Hiệu chuẩn độ chính xác của cân tại 0,001 g; 0,1 g; 5 g	Cái	1
28	Hiệu chuẩn Máy quang phổ hấp phụ U2900 Hitachi	Hiệu chuẩn độ chính xác phép đo bước sóng	Cái	1
29	Hiệu chuẩn Máy quang phổ hấp phụ Shimadzu UV-1800	Hiệu chuẩn độ chính xác phép đo bước sóng	Cái	1

30	Hiệu chuẩn Thiết bị đo nhiệt độ và độ ẩm 1980HL1 Isolab	Nhiệt độ hiệu chuẩn 25°C Độ ẩm hiệu chuẩn 60%	Cái	1
31	Hiệu chuẩn Thiết bị đo nhiệt độ và độ ẩm 2510HL1 Isolab	Nhiệt độ hiệu chuẩn 25°C Độ ẩm hiệu chuẩn 60%	Cái	1
32	Hiệu chuẩn Thiết bị đo nhiệt độ và độ ẩm 2516HL1 Isolab	Nhiệt độ hiệu chuẩn 25°C Độ ẩm hiệu chuẩn 60%	Cái	1
33	Hiệu chuẩn Máy đo pH để bàn Orion Star A211 Thermo Scientific	pH hiệu chuẩn 2; 7; 10	Cái	1
34	Hiệu chuẩn Nhiệt kế chỉ thị hiện số TM300 + 3 sensor theo máy Extech	Nhiệt độ hiệu chuẩn -18°C; 3°C	Cái	1
35	Hiệu chuẩn Thiết bị đo nhiệt độ và độ ẩm không khí Sh-101/1 Isolab	Nhiệt độ hiệu chuẩn 25°C Độ ẩm hiệu chuẩn 60%	Cái	1
36	Hiệu chuẩn Thiết bị đo nhiệt độ và độ ẩm không khí Sh-101/2 Isolab	Nhiệt độ hiệu chuẩn 25°C Độ ẩm hiệu chuẩn 60%	Cái	1
37	Hiệu chuẩn Thiết bị đo nhiệt độ và độ ẩm không khí Sh-101/3 Isolab	Nhiệt độ hiệu chuẩn 25°C Độ ẩm hiệu chuẩn 60%	Cái	1
38	Bảo trì Tủ hút khí độc HIGHTEN; HH5S		Cái	1
39	Bảo trì Tủ hút hơi khí độc ESCO		Cái	1
40	Hiệu chuẩn Pipet bầu 3 mL Germany	Dung tích hiệu chuẩn 3 mL	Cái	1
41	Hiệu chuẩn Pipet bầu 4 mL Germany	Dung tích hiệu chuẩn 4 mL	Cái	1
42	Hiệu chuẩn Pipet bầu 5 mL Germany	Dung tích hiệu chuẩn 5 mL	Cái	1
43	Hiệu chuẩn Pipet bầu 10 mL Germany	Dung tích hiệu chuẩn 10 mL	Cái	1
44	Hiệu chuẩn Pipet bầu 25 mL Germany	Dung tích hiệu chuẩn 25 mL	Cái	1
45	Hiệu chuẩn Pipet bầu 50 mL Germany	Dung tích hiệu chuẩn 50 mL	Cái	1
46	Hiệu chuẩn Pipet bầu 100 mL Glasfirin	Dung tích hiệu chuẩn 100 mL	Cái	1
47	Hiệu chuẩn Pipet thẳng 10 mL, VC 0,05 mL Germany	Dung tích hiệu chuẩn 10 mL	Cái	1
48	Hiệu chuẩn Pipet thẳng 10 mL, VC 0,1 mL Germany	Dung tích hiệu chuẩn 10 mL	Cái	1
49	Hiệu chuẩn Pipet thẳng 5 mL, VC 0,05 mL Germany	Dung tích hiệu chuẩn 5 mL	Cái	1
50	Hiệu chuẩn Fiol 50 mL Germany	Dung tích hiệu chuẩn 50 mL	Cái	1
51	Hiệu chuẩn Fiol 100 mL Germany	Dung tích hiệu chuẩn 100 mL	Cái	1
52	Hiệu chuẩn Fiol 200 mL Boral-Pula	Dung tích hiệu chuẩn 200 mL	Cái	1
53	Hiệu chuẩn Fiol 250 mL Boral-Pula	Dung tích hiệu chuẩn 250 mL	Cái	1
54	Hiệu chuẩn Fiol 500 mL Boral-Pula	Dung tích hiệu chuẩn 500 mL	Cái	1
55	Hiệu chuẩn Fiol 1000 mL England	Dung tích hiệu chuẩn 1000 mL	Cái	1
56	Hiệu chuẩn Fiol nâu 500 mL Germany	Dung tích hiệu chuẩn 500 mL	Cái	1
57	Hiệu chuẩn Fiol nâu 1000 mL Germany	Dung tích hiệu chuẩn 1000 mL	Cái	1
58	Hiệu chuẩn Buret 25 mL; VC 0,05 mL Germany	Dung tích hiệu chuẩn 25 mL	Cái	1
59	Hiệu chuẩn Buret 10 mL, VC 0,05 mL Germany	Dung tích hiệu chuẩn 10 mL	Cái	1
60	Hiệu chuẩn Buret 10 mL, VC 0,02 mL Germany	Dung tích hiệu chuẩn 10 mL	Cái	1
61	Hiệu chuẩn Nhiệt kế vẩy Maxima Asistent - Đức	Nhiệt độ hiệu chuẩn 95°C	Cái	1
62	Hiệu chuẩn Dàn ELISA BioTek - Mỹ	Bước sóng hiệu chuẩn 400 nm -700 nm	Bộ	1
63	Hiệu chuẩn Tủ đông trữ mẫu Sanyo-Nhật	Nhiệt độ hiệu chuẩn -18°C	Cái	1
64	Hiệu chuẩn Micropipett 01 kênh, Biohit - Phần Lan	Dung tích hiệu chuẩn 50 µL	Cái	1

65	Hiệu chuẩn Micropipett 08 kênh, Labnet - Mỹ	Dung tích hiệu chuẩn 100 μ L	Cái	1
66	Hiệu chuẩn nhiệt ẩm kế TANIKA	Nhiệt độ hiệu chuẩn 25°C Độ ẩm hiệu chuẩn 60%	Cái	1
67	Hiệu chuẩn Tủ lạnh TCW 3000	Nhiệt độ hiệu chuẩn 2-8°C	Cái	2
68	Hiệu chuẩn Tủ lạnh nằm TCW 3000 AC	Nhiệt độ hiệu chuẩn 2-8°C	Cái	1
69	Hiệu chuẩn Nhiệt kế thủy tinh	Nhiệt độ hiệu chuẩn 2-8°C	Cái	30
70	Hiệu chuẩn Nhiệt ẩm kế	Nhiệt độ hiệu chuẩn 25°C Độ ẩm hiệu chuẩn 60%	Cái	1
71	Hiệu chuẩn Nhiệt kế chỉ thị và tự ghi nhiệt độ Logtag TRED30-16R	Nhiệt độ hiệu chuẩn 2-8°C	Cái	3
72	Hiệu chuẩn Cân phân tích Sartorius SECURA225-1S	0,1 mg; 1 g	cái	1
73	Hiệu chuẩn Máy đo độ đục HANNA	< 0,1 NTU; 15 NTU; 100 NTU; 750 NTU	cái	1
74	Hiệu chuẩn Bộ quả cân E2	1 g, 5 g, 20 g	bộ	1
75	Hiệu chuẩn Tủ sấy Memmert S30	Nhiệt độ hiệu chuẩn 170°C	Cái	1
76	Hiệu chuẩn Tủ sấy Jsof-153P	Nhiệt độ hiệu chuẩn 170°C	Cái	1
77	Hiệu chuẩn Tủ lạnh âm sâu Zhongke - 86 °C	Nhiệt độ hiệu chuẩn -80°C	Cái	1
78	Bảo trì tủ lạnh NR-BW 4648N		Cái	1
79	Bảo trì tủ lạnh MPR S163-PE		Cái	1
80	Hiệu chuẩn Tủ an toàn sinh học VISION -SCIENTIFIC	Các chỉ tiêu thử nghiệm: - Tốc độ dòng khí vào - Tốc độ dòng khí thổi xuống - Cường độ ánh sáng - Cường độ ánh sáng tím (nếu có) - Độ ồn, độ dịch chuyển - Hiệu suất màng ULPA	Cái	1
81	Hiệu chuẩn Tủ lạnh đựng sinh phẩm SANYO - Nhật	Nhiệt độ hiệu chuẩn 2-8°C	Cái	1
82	Hiệu chuẩn Máy ly tâm HETTICH ROTINA 35 (48 ống)	Tốc độ hiệu chuẩn 3.000 vòng/phút	Cái	1
II. Nguồn thu dịch vụ năm 2025				
1	Hiệu chuẩn Máy đo hơi khí độc (CO2) Extech CO250	Hiệu chuẩn theo thông số kỹ thuật của thiết bị	Cái	1
2	Thử nghiệm Tủ an toàn sinh học cấp II Tranvucorp	Các chỉ tiêu thử nghiệm: - Tốc độ dòng khí vào - Tốc độ dòng khí thổi xuống - Cường độ ánh sáng - Cường độ ánh sáng tím (nếu có) - Độ ồn, độ dịch chuyển - Hiệu suất màng ULPA	Cái	1
3	Hiệu chuẩn Máy ly tâm Kubota - Japan	Tốc độ hiệu chuẩn 3.000 vòng/phút	Cái	1
4	Nồi hấp Hirayama Manufacturing-Japan	Nhiệt độ hiệu chuẩn 121°C	Cái	1
5	Pipette 1 kênh Nichiryo	Dung tích hiệu chuẩn 50 μ L	Cái	1
6	Pipette 1 kênh Brand-Germany	Dung tích hiệu chuẩn 500 μ L	Cái	1
7	Hiệu chuẩn Tủ lạnh nằm TCW 3000 AC	Nhiệt độ hiệu chuẩn 2-8°C	Cái	4
8	Hiệu chuẩn Tủ lạnh MPR-720	Nhiệt độ hiệu chuẩn 2-8°C	Cái	1

9	Máy huyết học M20	20 thông số	Cái	1
10	Hiệu chuẩn Máy ly tâm Centurion Scientific	Tốc độ hiệu chuẩn 3.000 vòng/phút	Cái	1
11	Kiểm định máy đo điện tim 6 cần Cadico 601	Kiểm định kỹ thuật đo các chuyển đạo ngoại biên và trước tim	Cái	1

2. Địa điểm cung cấp dịch vụ: dịch vụ phải được thực hiện, bàn giao trực tiếp tại *Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật tỉnh Đồng Tháp – Địa chỉ: 394 Lê Đại Hành, P. Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp* và Nhà cung cấp dịch vụ phải đảm bảo đúng chất lượng, số lượng và được bảo quản theo quy định hiện hành.

3. Thời gian thực hiện dự kiến: tối đa trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng: Sau khi thực hiện dịch vụ theo hợp đồng đã ký và Nhà Thầu cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan (*Hoá đơn GTGT và các tài liệu khác (nếu có)*), Bên mời thầu sẽ thanh toán 01 lần duy nhất theo hình thức chuyển khoản cho Nhà thầu.

5. Các thông tin khác (nếu có): Không.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Thu Hương

Mẫu báo giá
BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hoá như sau:

1. Báo giá cho các hàng hoá và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị thực hiện dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
1	Dịch vụ A			Cái				
2	Dịch vụ B							
n	...							

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽⁸⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: Báo giá chỉ được xem là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu do bên mời báo giá đưa ra trong thông báo, được ký và đóng dấu xác nhận bởi người đại diện hợp pháp hoặc được ủy quyền bởi người đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp dịch vụ. Các trường hợp khác sẽ được xem là không hợp lệ và Bên mời báo giá sẽ không giải quyết các khiếu nại sau này.